

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2025,
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026.

Kính thưa quý vị cổ đông!

Kính thưa quý vị đại biểu!

Sau một năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025, thay mặt Bộ máy điều hành Công ty tôi xin báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025 cụ thể như sau:

Phần I
TÌNH HÌNH CHUNG

1/ Thuận lợi:

- Các sản phẩm chủ yếu của Công ty chủ yếu cung ứng cho các đơn vị trong Tập đoàn công nghiệp Than khoáng sản Việt Nam. Hạn chế rủi ro về công tác thu hồi công nợ.

- Đội ngũ người lao động trong công ty đoàn kết, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm, khắc phục vượt khó khăn, xây dựng Công ty ngày càng phát triển.

- Cùng với đó Công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của lãnh đạo Tổng công ty, lãnh đạo Tập đoàn TKV và sự ủng hộ của các bạn hàng.

Trong quá trình triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2025. Tuy gặp nhiều khó khăn, thách thức nhưng với sự cố gắng, nỗ lực của toàn thể CBCNV Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu.

2/ Khó khăn:

- Tình hình biến đổi khí hậu làm ảnh hưởng đến kinh tế, chính trị trên toàn thế giới, trong đó có Việt Nam. Năm 2025 do ảnh hưởng của bão, lũ tại một số Tỉnh phía Bắc ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất, kinh doanh trong toàn Tổng Công ty trong đó có Công ty.

- Thị trường lao động chung cầu vượt cung, cơ chế tuyển dụng lao động của Tổng công ty, Tập đoàn còn nhiều quy định cứng... Công ty gặp khó khăn trong công



Chữ ký

tác tuyển dụng lao động. Một số thời điểm trong năm lao động phục vụ sản xuất trực tiếp thiếu hụt trầm trọng như lao động sản xuất vỏ bao xi măng.

- Hệ thống máy móc thiết bị phục vụ sản xuất các sản phẩm chính đã cũ, sự cố thiết bị nhiều, chi phí sửa chữa tăng cao, ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phần II THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

1. Thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2025:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2025 | | Tỷ lệ % so với NQ |
|------------|-------------------------------------|----------------|----------------|----------------|-------------------------|
| | | | NQ | Thực hiện | |
| I | Chỉ tiêu hiện vật tiêu thụ | | | | |
| 1 | Tiêu thụ vỏ bao xi măng KPK | Vỏ | 12 880 000 | 14 769 500 | 115 |
| 2 | Tiêu thụ lưới thép lót nóc lò | Kg | 2 821 000 | 3 831 718 | 136 |
| + | Sản lượng quy đổi | M2 | 1 550 000 | 2 189 014 | 141 |
| II | Tổng doanh thu | Tr.đ | 299 266 | 353 988 | 118 |
| 1 | Doanh thu sản xuất | Tr.đ | 213 112 | 217 419 | 102 |
| 2 | Doanh thu kinh doanh | Tr.đ | 84 108 | 132 655 | 158 |
| 3 | Doanh thu khác | Tr.đ | 2 046 | 3 914 | 191 |
| III | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | 2 600 | 4 047 | 156 |
| IV | Sửa chữa thường xuyên TSCĐ | Tr.đ | 1 295 | 344 | 27 |
| V | Đầu tư TSCĐ | Tr.đ | 12 630 | 1 715 | 14 |
| 1 | Dự án đầu tư xây dựng hệ thống PCCC | Tr.đ | 9 600 | 0 | 0 |
| 2 | Dự án đầu tư xe tải 15 tấn | Tr.đ | 2 280 | 1 715 | 75 |
| 3 | Dự án ĐTXD hệ thống xử lý nước thải | Tr.đ | 750 | 0 | 0 |
| VI | Nộp NSNN | | 2 779 | 5 326 | 192 |
| VII | Lao động và thu nhập | | | | |
| 1 | Lao động bình quân năm | Người | 144 | 130 | 90 |
| 2 | Tiền lương bình quân 1CNV | Tr đg/ng/thg | 10,5 | 17,03 | 162 |

2. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ SXKD:

Qua số liệu thực hiện năm 2025 bộ máy điều hành Công ty đưa ra một số đánh giá cụ thể:

- Năm 2025 công tác sản xuất, tiêu thụ vỏ bao bì xi măng đã có nhiều cố gắng, giữ vững và mở rộng thêm được thị trường ngoài ngành. Sản lượng tiêu thụ năm 2025 đạt 115% kế hoạch.

- Năm 2025 sản lượng tiêu thụ lưới thép đáp ứng nhu cầu khách hàng tăng so với năm 2024. Người lao động xưởng sản xuất lưới thép đã có nhiều cố gắng trong quản lý, sản xuất, đáp ứng đủ nhu cầu chất lượng, sản lượng của khách hàng. Sản lượng tiêu thụ đạt 141%KH

- Công tác kinh doanh vật tư thiết bị thực hiện theo quy chế khoán doanh thu. Thị trường cạnh tranh khốc liệt. Mặc dù vậy nhưng với sự cố gắng của đội ngũ làm công tác kinh doanh năm 2025 doanh thu kinh doanh dịch vụ thực hiện 132 tỷ đồng/84 tỷ đồng đạt 158% kế hoạch.

- Năm 2025 sản lượng tiêu thụ một số sản phẩm công ty sản xuất tăng, nhu cầu lao động tăng, số lao động hiện có không đủ đáp ứng nhu cầu sản xuất, công ty thiếu hụt về lao động, trong năm đã thực hiện tuyển dụng lao động tuy nhiên thị trường lao động cầu vượt cung, số lao động tuyển mới chưa đủ, chưa được như kỳ vọng. Công ty đã tạm thời khắc phục bằng một số giải pháp như động viên người lao động tăng thời gian làm việc, tăng năng suất lao động...số lao động năm 2025 thực hiện bằng 90% kế hoạch.

- Năm 2025 máy móc thiết bị phục vụ sản xuất đã đầu tư từ lâu, tình trạng hỏng hóc, sự cố, đặc biệt như ở bộ phận máy dệt, máy đan lưới, máy rút thép xuất hiện nhiều hơn. Tuy nhiên, bộ phận công nhân vận hành và đội ngũ cơ điện đã kịp thời khắc phục. Bộ phận kỹ thuật cũng đã có phương án dự phòng vật tư cho các sự cố lớn, các vật tư khó mua hoặc phải mất thời gian dài mới mua được. Do vậy, trong năm qua, công tác sửa chữa thường xuyên, bảo dưỡng thiết bị được thực hiện tương đối hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu sản xuất phục vụ nhu cầu tiêu thụ sản phẩm của công ty...

- Về cơ bản Năm 2025 Công ty đã thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu ĐHCĐ đã đề ra, trong đó có yếu tố khách quan, yếu tố chủ quan: Bộ máy quản lý Công ty luôn sát sao trong công tác con người, công tác quản trị chi phí, công tác định mức lao động, chất lượng sản phẩm, máy móc thiết bị...

Từ những phân tích, đánh giá trên cho thấy bên cạnh những yếu tố khách quan, chủ quan, bộ máy quản lý Công ty cũng lường trước được những khó khăn mà Công ty sẽ gặp phải cũng như cần đưa ra những biện pháp khắc phục trong thời gian tới.

Phần III:

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2026

1. Đặc điểm tình hình chung:

Công ty phải chủ động tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp, thích ứng với tình hình. Đồng thời chủ động trong việc tìm kiếm phát triển thị trường để nâng cao năng lực cạnh tranh, đạt kế hoạch lợi nhuận nhằm đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

2. Nhiệm vụ, mục tiêu của Công ty năm 2026:

Duy trì sản xuất ổn định và tăng trưởng, tăng cường tiêu thụ sản phẩm, kinh doanh vật tư hàng hóa, đảm bảo đủ việc làm, thu nhập cho NLĐ và đạt hiệu quả Sản xuất kinh doanh.

Mục tiêu cụ thể :

a/ Nhiệm vụ kế hoạch năm 2026:

| TT | Chỉ tiêu chủ yếu | Đơn vị | Năm 2026 |
|-----------|-----------------------------------|--------|------------|
| I | Hiện vật chủ yếu | | |
| 1 | SX, Tiêu thụ vỏ bao xi măng KPK | Vỏ | 15 000 000 |
| 2 | SX, Tiêu thụ lưới thép lót nóc lò | Kg | 3 760 000 |
| 3 | Lao động bình quân | Người | 172 |
| II | Chỉ tiêu tài chính | | |
| 1 | Tổng doanh thu thuần | Tr.đ | 348 609 |

Chữ

| | | | |
|---|------------------------|---------|--------|
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đg | 3 530 |
| 3 | Thuế TNDN | Tr.đg | 706 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tr.đg | 2 824 |
| 5 | Nộp NSNN (Số phải nộp) | Tr.đg | 3 275 |
| 6 | Lương BQ/người/tháng | 1.000đg | 12 090 |
| 7 | Tỷ lệ trả cổ tức | % | 12 |

b/ Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2026.

| TT | Tên hạng mục đầu tư | Đơn vị | Năm 2026 |
|------------------|------------------------------|--------|--------------|
| 1 | Dự án đầu tư 04 máy dệt | Tr.đ | 4 264 |
| 2 | Dự án đầu tư 02 máy đan lưới | Tr.đ | 1 040 |
| Tổng cộng | | | 5 304 |

c/ Kế hoạch tuyển dụng lao động năm 2026.

| STT | LĐ KH 2026 | LĐ 31/12/20 25 | Dự kiến giảm năm 2026 | LĐ KH 2026 | LĐ cần tuyển dụng | Thời gian tuyển dụng | Hình thức tuyển dụng |
|------------------|------------------------|----------------------|-----------------------------------|---------------|-------------------------|--|----------------------------|
| 1 | LĐ C.nghệ | 94 | | 125 | 31 | Theo nhu cầu sản xuất tại từng thời điểm | Tuyển mới |
| 2 | LĐ phục vụ, phụ trợ | 19 | | 19 | 0 | Theo nhu cầu tại thời điểm | Tuyển mới |
| 3 | LĐ quản lý | 24 | | 28 | 4 | Theo nhu cầu tại thời điểm | Tuyển mới |
| Tổng cộng | | 137 | | 172 | 35 | | |

PHẦN III
CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

1/ Tiếp tục duy trì mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của công ty sản xuất ra thị trường ngoài ngành.

2/ Tìm kiếm tuyển dụng đủ số lao động đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực, đào tạo, xây dựng đội ngũ kế thừa tinh thông nghiệp vụ, tay nghề giỏi, có phẩm chất đạo đức, có năng lực quản lý, điều hành công ty phát triển.

3/ Tiếp tục rà soát, hoàn thiện lại các định mức, chi phí giao khoán cho các đơn vị, triệt để tiết kiệm chi phí vật tư, nguyên liệu đầu vào. Tiếp tục hoàn thiện phương pháp khoán phù hợp với từng đối tượng nhận khoán để phát huy tối đa hiệu quả công tác giao khoán cho các đơn vị. *dy*

4/ Khẩn trương thực hiện các hạng mục đầu tư đưa vào sử dụng góp phần tăng năng suất lao động.

5/ Tăng cường công tác quản lý chất lượng sản phẩm, nhất là đối với sản phẩm vỏ bao xi măng, đảm bảo đáp ứng được mọi yêu cầu của khách hàng.

6/ Thực hiện mọi biện pháp để đảm bảo an toàn tuyệt đối trong sản xuất, thường xuyên kiểm tra theo dõi phát hiện những nguy cơ mất an toàn để ngăn chặn kịp thời không để xảy ra tai nạn lao động.

7/ Thực hiện điều hành công tác tài chính, phù hợp với kế hoạch SXKD, tích cực hoàn thiện hồ sơ thanh toán để thu hồi công nợ, tăng nhanh vòng quay của vốn để giảm chi phí vay ngân hàng. Phân đầu giảm tới mức thấp nhất hệ số nợ phải thu, nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu. Đàm phán với ngân hàng để được tài trợ vốn với mức lãi suất thấp nhất.

8/ Xây dựng các điển hình tiên tiến, xây dựng mục tiêu khuyến khích SXKD giao cho các đơn vị, phòng ban để phân đầu thực hiện.

9/ Phối hợp tốt công tác giữa chuyên môn và các đoàn thể, phát huy vai trò lãnh đạo tiên phong của Đảng trong hoạt động sản xuất kinh doanh; thực hiện tốt quy chế dân chủ trong doanh nghiệp.

Kính thưa các vị quý khách, quý vị đại biểu!

Chúng tôi tin tưởng rằng, với những gì chúng ta đã làm, đã và đang tiếp tục nỗ lực phấn đấu, với sự quan tâm giúp đỡ chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc, của lãnh đạo Tập đoàn TKV, sự ủng hộ của các đối tác, bạn hàng cùng với sự đoàn kết, tin tưởng, cố gắng của tập thể người lao động trong toàn Công ty, Công ty chúng ta nhất định sẽ hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch năm 2023 và các năm tiếp theo.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026 của Giám đốc Công ty.

Kính đề nghị Đại hội xem xét thảo luận thông qua.

Xin kính chúc các đại biểu, quý Cổ đông lời chúc sức khỏe và thành đạt, chúc Đại hội thành công.

Xin trân trọng cảm ơn !



Phạm Đức Khiêm

Hà nội, ngày 01 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

Kính thưa quý vị cổ đông!
Kính thưa quý vị đại biểu!

Thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI; Hội đồng quản trị xin trân trọng báo cáo với Đại hội đồng Cổ đông về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và định hướng hoạt động năm 2026 cụ thể như sau:

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 2025, tình hình thế giới tiếp tục biến động phức tạp, khó lường. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt..., lạm phát thế giới tăng cao, dư âm hậu quả của đại dịch COVID-19, dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp, tình hình bão lụt... dẫn đến suy giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu; rủi ro tài chính, tiền tệ, chi phí vận chuyển tăng cao, mất an ninh năng lượng, lương thực đang hiện hữu...

Trong bối cảnh chung đó, được sự quan tâm, tạo điều kiện giúp đỡ của Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP, cùng với sự đoàn kết cố gắng, nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên trong năm qua, nên Công ty về cơ bản đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

Trên cơ sở chiến lược và định hướng phát triển Công ty đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên nhiệm kỳ 2025-2030. Hội đồng quản trị Công ty đã hoạch định chiến lược phát triển của Công ty là tập trung vào những lĩnh vực trọng tâm: Sản xuất và Thương mại. Chú trọng đầu tư đổi mới hệ thống máy móc thiết bị nâng cao năng lực sản xuất, lấy sản xuất làm nền tảng duy trì hoạt động của Công ty.

Năm 2025 Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị Công ty luôn trung thành với lợi ích của Cổ đông, Công ty. Thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ trên tinh thần trách nhiệm, trung thực cẩn trọng và theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty, nhằm đảm bảo Công ty hoạt động hiệu quả, ổn định và ngày càng phát triển.

M.S.D.

PHẦN II: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025

I/ Khái quát về Công ty:

I.1/ Về cơ cấu tổ chức:

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI nhiệm kỳ 2025-2030 tại thời điểm kết thúc nhiệm kỳ đã bầu ra với 3 thành viên đại diện nhóm cổ đông chi phối, gồm:

2. Ông **Nguyễn Văn Dũng** – Phó Tổng giám đốc Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP; Chủ tịch HĐQT Công ty (*Kể từ 17/04/2025*) – Đại diện cổ đông chi phối Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP.

3. Ông **Phạm Đức Khiêm** – Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI; Thành Viên HĐQT (*Kể từ 17/04/2025*) – Đại diện cổ đông chi phối Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP.

4. Ông **Phạm Đức Trung** – Phó Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI; Thành Viên HĐQT (*Kể từ 17/04/2025*) - Đại diện cổ đông thể nhân

I.2/ Về cơ cấu vốn góp:

Tính đến thời điểm 31/12/2025 vốn điều lệ Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI là 12,5 tỷ với cơ cấu vốn như sau:

| TT | Tên cổ đông | Tổng số cổ phần | Giá trị vốn góp (tỷ đồng) | Tỷ lệ vốn góp (%) |
|----|---|------------------|---------------------------|-------------------|
| 1 | Cổ đông pháp nhân - Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP | 637 507 | 6,375 | 51% |
| 2 | Cổ đông thể nhân | 612 493 | 6,125 | 49% |
| | Tổng cộng | 1 250 000 | 12,5 | 100 |

II/ Hoạt động của HĐQT Năm 2025:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.

a) Thực hiện chi trả thù lao và tiền thưởng cho các thành viên HĐQT năm 2025 theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 cụ thể như sau:

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Thù lao | | | Thưởng(đg) | Tổng cộng(đg) |
|-----|------------------|---------|--------------------|--|--------------------|--------------------|--------------------|
| | | | Tối thiểu(đg) | 20% tăng (theo mức độ tăng tiền lương của NQL) | Tổng thù lao(đg) | | |
| 1 | Nguyễn Văn Dũng | CT HĐQT | 51 840 000 | 10 368 000 | 62 208 000 | | 62 208 000 |
| 2 | Phạm Đức Khiêm | TV HĐQT | 45 360 000 | 9 072 000 | 54 432 000 | 62 208 000 | 116 640 000 |
| 3 | Ngô Minh Vinh | TV HĐQT | 13 545 000 | 2 709 000 | 16 254 000 | 30 051 000 | 46 305 000 |
| 4 | Phạm Đức Trung | TV HĐQT | 31 815 000 | 6 363 000 | 38 178 000 | 13 608 000 | 51 786 000 |
| | Tổng cộng | | 142 560 000 | 28 512 000 | 171 072 000 | 105 867 000 | 276 939 000 |

b) Thực hiện chi trả thù lao năm 2025 như sau:

Việc chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT được chi trả theo hình thức tạm ứng hàng tháng với mức 80% mức chi trả theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Năm 2025; sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua mức chi trả tiền thù lao và tiền thưởng cho các thành viên HĐQT Năm 2025; thì HĐQT Công ty căn cứ để thực hiện chi trả nốt số tiền còn lại.

Trong năm 2025 các thành viên HĐQT đã được tạm ứng thù lao như sau:

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Thù lao(đg) | Thưởng(đg) | Tổng cộng(đg) |
|-----|------------------|---------|--------------------|------------|--------------------|
| 1 | Nguyễn Văn Dũng | CT HĐQT | 49 766 400 | | 49 766 400 |
| 2 | Phạm Đức Khiêm | CT HĐQT | 43 545 600 | | 43 545 600 |
| 2 | Ngô Minh Vinh | TV HĐQT | 10 836 000 | | 10 836 000 |
| 3 | Phạm Đức Trung | TV HĐQT | 32 709 600 | | 32 709 600 |
| | Tổng cộng | | 136 857 600 | 0 | 136 857 600 |

2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.

Năm 2025 Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện họp với số cuộc họp là 28 lần ban hành 30 nghị quyết và 31 quyết định.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đã thực hiện theo đúng Điều lệ, thành phần tham dự họp HĐQT được tham dự đầy đủ; tài liệu cung cấp cho các thành viên HĐQT được cung cấp đầy đủ và đúng thời gian; các thành viên HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền hạn của mình trong việc biểu quyết thông qua các vấn đề trong cuộc họp.

Hội đồng quản trị Công ty đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông thường niên nhiệm kỳ 2025-2030 đã đề ra.

Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp thường kỳ, đột xuất theo quy định; nội dung các cuộc họp thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị Công ty trong công tác quản lý, chỉ đạo điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách kịp thời hiệu quả.

Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 với các nội dung chính sau đây:

a. Chỉ đạo, giám sát và giao các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh, để Giám đốc triển khai nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

b. Chỉ đạo Công ty thực hiện tốt công tác An toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường; phòng chống cháy nổ.

c. Chỉ đạo, giám sát thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm.

d. Chỉ đạo Giám đốc thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động; việc tái cơ cấu sắp xếp lao động hợp lý; nâng cao năng suất lao động. Ban hành hệ thống thang bảng lương, điều chỉnh mức tiền lương trong hệ thống thang bảng lương tại từng thời điểm theo hướng dẫn của Nhà nước.

e. Thực hiện phê duyệt, thông qua các nội dung sau:

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.
- Quyết định giao kế hoạch hàng năm, hàng quý của công ty.
- Quyết định giao kế hoạch tiền lương hàng năm của Công ty...

-Hội đồng quản trị công ty đã quyết định ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng đưa vào áp dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty với Người liên quan theo điều 167 luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020

Việc thực hiện ký kết các hợp đồng giao dịch với các bên liên quan theo điều 167 của luật doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật. Trong năm Công ty có thực hiện việc ký kết các hợp đồng giao dịch với các bên liên quan cụ thể như sau:

(Phụ lục chi tiết kèm theo)

4. Thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo NQ ĐHĐCĐ TN năm 2025, cụ thể như sau:

a/ Một số chỉ tiêu chính:

| TT | Chỉ tiêu chủ yếu | Đơn vị | Nghị quyết | Thực hiện | % so NQ |
|-----------|-----------------------------------|---------|------------|------------|---------|
| I | Hiện vật chủ yếu | | | | |
| 1 | SX, Tiêu thụ vỏ bao xi măng KPK | Vỏ | 12 880 000 | 14 769 500 | 115 |
| 2 | SX, Tiêu thụ lưới thép lót nóc lò | Kg | 2 821 000 | 3 831 718 | 136 |
| 3 | Lao động bình quân | Người | 144 | 130 | 90 |
| II | Chỉ tiêu tài chính | | | | |
| 1 | Tổng doanh thu thuần | Tr.đg | 299 266 | 353 988 | 118 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đg | 2 600 | 4 047 | 156 |
| 3 | Thuế TNDN | Tr.đg | 520 | 856 | 165 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tr.đg | 2 080 | 3 191 | 153 |
| 5 | Nộp NSNN (Số phải nộp) | Tr.đg | 2 779 | 5 326 | 192 |
| 6 | Lương BQ/người/tháng | 1.000đg | 10 517 | 17 029 | 162 |
| 7 | Tỷ lệ trả cổ tức | % | 12 | 16 | 133 |

b/ Kế hoạch đầu tư xây dựng:

| TT | Tên hạng mục đầu tư | Đơn vị | Nghị quyết | Thực hiện | % so NQ |
|------------------|-------------------------------|--------|---------------|--------------|-----------|
| 1 | Đầu tư xây dựng hệ thống PCCC | Tr.đ | 9 600 | 0 | 0 |
| 2 | Đầu tư xe tải 15 tấn | Tr.đ | 2 280 | 1 715 | 75 |
| 3 | ĐTXD hệ thống xử lý nước thải | Tr.đ | 750 | 0 | 0 |
| Tổng cộng | | | 12 630 | 1 715 | 14 |

5. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Công ty không có thành viên HĐQT độc lập.

6. Kết quả hoạt động của từng thành viên HĐQT.

Nhìn chung năm 2025, Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ đã được quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành. Hội đồng quản trị đã thể hiện rõ vai trò của mình, luôn cố gắng hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được phân công; đoàn kết, hợp tác giúp đỡ nhau cùng hoàn thành nhiệm vụ và xây dựng Công ty ngày càng phát triển vững mạnh, cụ thể như sau:

6.1 Chủ tịch HĐQT: ông Nguyễn Văn Dũng

Là người đứng đầu và chịu trách nhiệm chung về mọi hoạt động của Công ty, chỉ đạo việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của HĐQT quy định trong Điều lệ tổ

chức và hoạt động của Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành của pháp luật, Quy chế hoạt động của HĐQT;

Chủ trì phân công các uỷ viên HĐQT chuẩn bị nội dung họp và kết luận về những nội dung thảo luận trong phiên họp HĐQT, xem xét kiến nghị của Ban Kiểm soát công ty và giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT; việc xây dựng chủ trương, định hướng chiến lược, quy hoạch phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm; chương trình đầu tư các dự án, phương án điều chỉnh vốn và các nguồn lực, phương án tổ chức sản xuất của Công ty;

Luôn sát sao theo dõi, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ giữa hai kỳ họp HĐQT, theo dõi, giám sát công tác cán bộ thuộc thẩm quyền của giám đốc công ty và các công việc khác trong hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc chức năng của HĐQT.

Với vai trò là Chủ tịch HĐQT ông Nguyễn Văn Dũng đã luôn thể hiện rất tốt trách nhiệm của mình trong việc thực thi nhiệm vụ góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch SXKD mà ĐHĐCĐ đã đề ra.

6.2 Uỷ viên HĐQT, Giám đốc Phạm Đức Khiêm.

Là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật Nhà nước về quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, theo Điều lệ của công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước, tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT, trực tiếp chỉ đạo, tổ chức trong mọi hoạt động SXKD tại Công ty và các nhiệm vụ theo phân công của HĐQT.

Ông Phạm Đức Khiêm luôn thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm của mình trong thực thi nhiệm vụ. Là một lãnh đạo năng động, nhiệt tình, giám nghĩ, giám làm và đưa ra nhiều giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động SXKD và đã đạt được kết quả tốt.

Với vai trò là là giám đốc điều hành ông Phạm Đức Khiêm đã luôn thể hiện rất tốt trách nhiệm của mình trong việc thực thi nhiệm vụ góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch SXKD mà ĐHĐCĐ đã đề ra.

Năm 2025 Ông Phạm Đức Khiêm được HĐQT đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

6.3 Uỷ viên HĐQT, Phó Giám đốc Ngô Minh Vinh (Miễn nhiệm từ 17/04/2025)

Với chức năng, nhiệm vụ được phân công là phụ trách kiểm tra, giám sát công nghệ sản xuất của Công ty. Công tác chất lượng sản phẩm, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ. Công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật. Xây dựng và hoàn thiện các định mức kinh tế kỹ thuật của Công ty. và các nhiệm vụ khác của HĐQT.

Ông Ngô Minh Vinh luôn thể hiện cao vai trò, trách nhiệm của mình, trong các cuộc họp đã luôn đưa ra những quan điểm, đề xuất, đóng góp ý kiến trong việc thực hiện các nghị quyết và công tác điều hành, quản lý của Công ty góp phần thực hiện tốt kế hoạch điều hành sản xuất của Công ty.

6.4 Uỷ viên HĐQT, Phó Giám đốc Phạm Đức Trung (Được bầu từ 17/04/2025)

Với chức năng, nhiệm vụ được phân công là phụ trách công tác kinh doanh của Công ty và các nhiệm vụ khác của HĐQT.

Ông Phạm Đức Trung luôn thể hiện cao vai trò, trách nhiệm của mình, tại các cuộc họp có đóng góp ý kiến trong việc thực hiện các nghị quyết và công tác điều hành, quản lý của Công ty góp phần thực hiện tốt kế hoạch điều hành sản xuất năm 2025.

7. Kết quả giám sát đối với Giám đốc Công ty và người điều hành.

Trong năm 2025 HĐQT đã thực hiện tốt vai trò giám sát đối với Giám đốc và các cán bộ quản lý thuộc diện HĐQT quản lý.

Năm 2025 Giám đốc công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện nhiệm vụ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty. Đã tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách cẩn trọng; mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty. Giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất kinh doanh cũng như tình hình tài chính và các mặt hoạt động khác của Công ty để Hội đồng quản trị kịp thời có ý kiến chỉ đạo. Tổ chức triển khai thực hiện đúng các chính sách, chế độ nộp ngân sách nhà nước và các chế độ với người lao động Công ty.

Giám đốc công ty có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp với công việc được giao, có năng lực, đạo đức nghề nghiệp và sự tận tâm nhiệt huyết để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Sự phối hợp hoạt động và tinh thần đoàn kết nội bộ của cán bộ quản lý đã tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp; thân thiện và gắn kết. Tạo tiền đề để hoàn thành tốt các mục tiêu nhiệm vụ chiến lược do Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị giao.

Năm 2025 Hội đồng quản trị đã thực hiện kiểm điểm đánh giá và xếp loại cán bộ quản lý kết quả cụ thể như sau:

| TT | Họ và tên | Chức danh | Xếp loại năm 2025 |
|----|-----------------|----------------|------------------------------|
| 1 | Phạm Đức Khiêm | Giám đốc | Hoàn thành tốt nhiệm vụ |
| 3 | Vương Khắc Tuấn | Phó giám đốc | Hoàn thành tốt nhiệm vụ |
| 4 | Bùi Phương Anh | Kế toán trưởng | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ |

•Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc:

Năm 2025 bộ máy điều hành Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các quyết định ban hành, ý kiến chỉ đạo của HĐQT đúng theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty.

- Ban giám đốc Công ty đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban để nắm bắt, trao đổi tình hình hoạt động trong SXKD nhằm đưa ra các giải pháp khắc phục, thực hiện kịp thời.

- Giao kế hoạch SXKD cho các bộ phận theo tháng, quý nhằm kịp thời khắc phục những sai lệch và có cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu.

- Quản lý và sử dụng vốn linh hoạt, tiết kiệm tốt các chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Quản lý tốt hệ thống chất lượng, đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định và có uy tín trên thị trường.

- Mạnh dạn, đột phá trong khâu chỉ đạo áp dụng các giải pháp kỹ thuật công nghệ mới và đã thu được những thành công nhất định, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất của Công ty.

Có thể nói đây tiếp tục là một năm ban điều hành Công ty hoạt động rất tích cực; với tinh thần đồng tâm, đoàn kết làm việc với trách nhiệm cao nên năm qua Công ty tiếp tục gặt hái được nhiều thành công.

8. Kết quả phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Năm 2025 Ban kiểm soát công ty đã thực hiện tốt công tác kiểm tra tình hình hoạt động tài chính của Công ty.

Hội đồng quản trị, bộ máy điều hành phối hợp tốt với Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng kiểm soát và giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty phối hợp tốt với Ban kiểm soát trong việc giải quyết các kiến nghị và yêu cầu của Ban kiểm soát trong công tác quản trị Công ty. Những kiến nghị của Ban kiểm soát trong việc Quản lý tài chính, tình hình sử dụng vốn, tình hình công nợ, các quy định, quy chế quản lý Công ty được HĐQT thực hiện giải quyết kịp thời.

PHẦN III

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CỦA HĐQT NĂM 2026

1/ Định hướng phát triển:

Trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm qua và nhu cầu thị trường các năm tiếp theo, Hội đồng Quản trị công ty đề ra một số mục tiêu sau:

-Bảo toàn nguồn vốn chủ sở hữu, sử dụng hiệu quả nguồn vốn, thực hiện các dự án phục vụ sản xuất kinh doanh để đáp ứng mục tiêu phát triển của Công ty;

-Tăng cường công tác quản trị tài chính, báo cáo định kỳ với thông tin minh bạch, chính xác;

-Tiếp tục có những cải tiến kỹ thuật trong sản xuất để phát huy hết tiềm năng, năng lực sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, cạnh tranh với các đối thủ có ngành nghề sản xuất tương tự Công ty. Tự chủ trong sản xuất, nâng cao đời sống của Người lao động;

-Tập trung củng cố mặt hàng chủ lực của Công ty, nâng cao tính đa dạng, sức cạnh tranh trên thị trường;

-Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị, mở rộng thị trường, phát triển sản phẩm mới với hàm lượng kỹ thuật cao.

2/ Quy hoạch, kiện toàn bộ máy quản lý Công ty:

- Tiếp tục rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn 2025-2030 đảm bảo tính kế thừa, đảm bảo đủ nguồn nhân lực (cả về số lượng và chất lượng) cho sự phát triển của Công ty. Trên cơ sở quy hoạch, tiếp tục đào tạo bồi dưỡng cho các cán bộ được đưa vào quy hoạch đảm bảo đủ điều kiện bổ nhiệm cho vị trí được quy hoạch.

- Trên cơ sở Quy chế quản lý cán bộ; Hội đồng quản trị sẽ tiến hành xem xét, quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh quản lý kịp thời đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển công ty.

3/ Xây dựng và hoàn thiện lại một số quy chế quản lý của Công ty:

Tiếp tục rà soát và hoàn thiện lại một số quy chế quản lý nội bộ cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và các chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước thay đổi.

4/ Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2026.

a/ Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh.

| TT | Chỉ tiêu chủ yếu | Đơn vị | Năm 2026 |
|-----------|-----------------------------------|---------|------------|
| I | Hiện vật chủ yếu | | |
| 1 | SX, Tiêu thụ vỏ bao xi măng KPK | Vỏ | 15 000 000 |
| 2 | SX, Tiêu thụ lưới thép lót nóc lò | Kg | 3 760 000 |
| 3 | Lao động bình quân | Người | 172 |
| II | Chỉ tiêu tài chính | | |
| 1 | Tổng doanh thu thuần | Tr.đg | 348 609 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đg | 3 530 |
| 3 | Thuế TNDN | Tr.đg | 706 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tr.đg | 2 824 |
| 5 | Nộp NSNN (Số phải nộp) | Tr.đg | 3 275 |
| 6 | Lương BQ/người/tháng | 1.000đg | 12 090 |
| 7 | Tỷ lệ trả cổ tức | % | 12 |

b/ Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2026.

| TT | Tên hạng mục đầu tư | Đơn vị | Năm 2026 |
|------------------|------------------------------|--------|--------------|
| 1 | Dự án đầu tư 04 máy dệt | Tr.đ | 4 264 |
| 2 | Dự án đầu tư 02 máy đan lưới | Tr.đ | 1 040 |
| Tổng cộng | | | 5 304 |

c/ Kế hoạch tuyển dụng lao động năm 2026.

| STT | LĐ KH 2026 | LĐ 31/12/2025 | Dự kiến giảm năm 2026 | LĐ KH 2026 | LĐ cần tuyển dụng | Thời gian tuyển dụng | Hình thức tuyển dụng |
|------------------|---------------------|---------------|-----------------------|------------|-------------------|--|----------------------|
| 1 | LĐ C.nghệ | 94 | | 125 | 31 | Theo nhu cầu sản xuất tại từng thời điểm | Tuyển mới |
| 2 | LĐ phục vụ, phụ trợ | 19 | | 19 | 0 | Theo nhu cầu tại thời điểm | Tuyển mới |
| 3 | LĐ quản lý | 24 | | 28 | 4 | Theo nhu cầu tại thời điểm | Tuyển mới |
| Tổng cộng | | 137 | | 172 | 35 | | |

d/ Kế hoạch chi trả thù lao năm 2026:

Căn cứ các quy định của Nhà nước và quy định của Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP tại thời điểm năm 2026; Kế hoạch chi trả thù lao năm 2026 của Thành viên HĐQT Công ty như sau:

| STT | Chức danh | Số người | Mức thù lao/thg(đg) | Số tháng | KH năm 2024(đg) |
|-----|-----------------|----------|---------------------|----------|-----------------|
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 01 | 4 320 000 | 12 | 51 840 000 |
| 2 | Thành viên HĐQT | 02 | 3 780 000 | 12 | 90 720 000 |

(Đây là mức tối thiểu, trong năm căn cứ kết quả SXKD nếu tiền lương của các Người quản lý công ty (NQL) được quyết toán tăng thì mức chi trả thù lao sẽ tăng tương ứng, nhưng mức chi tối đa không quá 20% mức tiền lương của NQL)

5/ Các giải pháp thực hiện của HĐQT:

- Mỗi quý HĐQT họp thường kỳ một lần vào thời gian sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý, nội dung họp kiểm điểm tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý trước, giao kế hoạch sản xuất kinh doanh cho quý tiếp theo, định hướng

và giải pháp khắc phục những khó khăn trong sản xuất kinh doanh của Công ty và giải quyết các nội dung khác theo thẩm quyền của HĐQT.

Ngoài ra HĐQT có thể họp bất thường để giải quyết những nội dung cần thiết theo đề nghị của bộ máy điều hành. Trước khi họp phải chuẩn bị đầy đủ nội dung, tài liệu và được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất 3 ngày.

- Tập trung giải quyết nguồn vốn phục vụ cho quá trình sản xuất ổn định của nhà máy, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng vòng quay luân chuyển vốn lưu động, không để nợ tồn đọng và thất thoát vốn.

- Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của ban điều hành thực hiện theo KH đã được ĐHCĐ; HĐQT thông qua;

- Hoạt động của HĐQT được phân công cụ thể cho các thành viên phụ trách theo từng lĩnh vực để thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT để HĐQT ra quyết định, đồng thời giám sát, chỉ đạo, đôn đốc Công ty triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT theo lĩnh vực được phân công.

- Tăng cường phối hợp trong quá trình hoạt động của Ban kiểm soát để phát hiện sớm các bất cập, các biện pháp phòng ngừa và xử lý kịp thời, hạn chế rủi ro trong hoạt động SXKD.

- Chỉ đạo triển khai các dự án đầu tư, cải tạo sửa chữa cảnh quan xanh sạch đẹp đảm bảo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động

- Chỉ đạo công tác quản trị, quản lý và vận hành các phân xưởng sản xuất an toàn, ổn định, đảm bảo chất lượng sản phẩm và hiệu quả.

- Thực hiện công tác nghiên cứu phát triển, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất kinh doanh nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, tiết kiệm chi phí nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Tiếp tục đầu tư đổi mới thiết bị; công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm; để phục vụ tốt cho các đơn vị trong và ngoài ngành.

Kính thưa Đại hội!

Hội đồng quản trị trân trọng cảm ơn các Quý cổ đông đã tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026. Chúng tôi cam kết với trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ của mình một cách trung thực và cẩn trọng để đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty, đáp ứng sự mong đợi của các cổ đông.

Đề nghị các Đại biểu cổ đông đóng góp bổ sung, để có một bản Nghị quyết hành động thiết thực làm mục tiêu phấn đấu và tổ chức thực hiện hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2026.

Chúc toàn thể các cổ đông tham dự Đại hội mạnh khỏe, hạnh phúc, Chúc Đại hội thành công.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Dũng

PHỤ LỤC 1

KÈM THEO BÁO CÁO CỦA HĐQT TẠI ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

| TS | STT | SỐ HỢP ĐỒNG | NGÀY KÝ HỢP ĐỒNG | TÊN ĐƠN VỊ | HÀNG HOÁ | GIÁ TRỊ (ĐÃ BAO GỒM VAT) |
|----------|------------------------|-------------|------------------|---|-----------------|--------------------------|
| I | HỢP ĐỒNG BÁN RA | | | | | |
| | | | | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Dương Huy - TKV | | 76,121,551,000 |
| 1 | 1 | 68-HĐKH | 24/1/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Dương Huy | vật tư hàng hóa | 93 500 000 |
| 2 | 2 | 214-HĐKH | 14/4/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Dương Huy | vật tư hàng hóa | 992 640 000 |
| 3 | 3 | 319-HĐKH | 26/6/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Dương Huy | vật tư hàng hóa | 34 868 075 000 |
| 4 | 4 | 371-HĐKH | 21/7/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Dương Huy | vật tư hàng hóa | 966 460 000 |
| 5 | 5 | 434/HĐ-KH | 25/8/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Dương Huy | vật tư hàng hóa | 938 300 000 |
| 6 | 6 | 547/HĐ-KH | 29/10/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Dương Huy | vật tư hàng hóa | 11 521 950 000 |
| 7 | 7 | 245-HĐKH | 07/05/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Dương Huy | vật tư hàng hóa | 912 340 000 |
| 8 | 8 | 475/HĐ-KH | 18/09/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Dương Huy | vật tư hàng hóa | 948 200 000 |
| 9 | 9 | 563/HĐ - KH | 08/11/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Dương Huy | vật tư hàng hóa | 854 700 000 |
| 10 | 10 | 01-HĐKH | 04/01/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Dương Huy | lưới thép | 12 480 006 000 |
| 11 | 11 | 399-HĐKH | 30/07/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Dương Huy | lưới thép | 11 545 380 000 |
| | | | | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Hạ Long - TKV | | 12 656 270 000 |

| TS | STT | SỐ HỢP ĐỒNG | NGÀY KÝ HỢP ĐỒNG | TÊN ĐƠN VỊ | HÀNG HOÁ | GIÁ TRỊ (ĐÃ BAO GỒM VAT) |
|----|-----|-----------------------|------------------|--|-----------------|--------------------------|
| 12 | 1 | 45/HĐMB-KH | 13/1/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Hạ Long | vật tư hàng hóa | 964 975 000 |
| 13 | 2 | 167/HĐMB-KH | 17/3/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Hạ Long | vật tư hàng hóa | 966 460 000 |
| 14 | 3 | 479/HĐMB-KH | 30/6/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Hạ Long | vật tư hàng hóa | 10 724 835 000 |
| | | | | Công ty cổ phần xi măng Tân Quang - VVMI | | 26,104,554,180 |
| 15 | 1 | 25.03.10.VTT B/HĐ-CTQ | 10/03/2025 | Công ty CP xi măng Tân Quang - VVMI | Vỏ bao xi măng | 11 902 554 180 |
| 16 | 2 | 25.09.03.VTT B/HĐ-CTQ | 03/09/2025 | Công ty CP xi măng Tân Quang - VVMI | Vỏ bao xi măng | 14 202 000 000 |
| | | | | Công ty CP than Mông Dương - Vinacomin | | 30,473,990,096 |
| 17 | 1 | 33.00/HĐ-KHMD | 04/01/2025 | Công ty CP than Mông Dương - Vinaco | gông lò | 8,123,500,000 |
| 18 | 2 | 64.01/HĐ-KHMD | 24/02/2025 | Công ty CP than Mông Dương - Vinaco | gông lò | 974,600,000 |
| 19 | 3 | 64.02/HĐ-KHMD | 26/09/2025 | Công ty CP than Mông Dương - Vinaco | gông lò | 919,160,000 |
| 20 | 4 | 64.03/HĐ-KHMD | 22/11/2025 | Công ty CP than Mông Dương - Vinaco | gông lò | 956,010,000 |
| 21 | 5 | 64.00/HĐ-KHMD | 17/01/2025 | Công ty CP than Mông Dương - Vinaco | lưới thép | 19 500 720 096 |
| | | | | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Đắc Nông - TKV | | 8 283 600 000 |
| 22 | 1 | 561/2025/HĐ/D | 22/08/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Đắc Nông - TKV | Bao alumin | 8,283,600,000 |
| | | | | Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI | | 19,837,445,940 |

| TS | STT | SỐ HỢP ĐỒNG | NGÀY KÝ HỢP ĐỒNG | TÊN ĐƠN VỊ | HÀNG HOÁ | GIÁ TRỊ (ĐÃ BAO GỒM VAT) |
|----|-----|-----------------|------------------|---|-----------------|--------------------------|
| 23 | 1 | 200/HĐMB-XMLH | 25/06/2025 | Công ty CP xi măng La Hiên VVMI | Vỏ bao xi măng | 19 837 445 940 |
| | | | | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Mạo Khê - TKV | | 25,133,106,020 |
| 24 | 1 | 330/HĐ-TMK-KH | 16/04/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Mạo Khê - TKV | lưới thép | 960 135 000 |
| 25 | 2 | 513/HĐ-TMK-KH | 06/06/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Mạo Khê - TKV | lưới thép | 4 355 395 000 |
| 26 | 3 | 677/HĐ-TMK-KH | 04/08/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Mạo Khê - TKV | lưới thép | 9 851 820 000 |
| 27 | 4 | 1014/HĐ-TMK-KH | 14/11/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Mạo Khê - TKV | lưới thép | 9 965 756 020 |
| | | | | Công ty cổ phần than Hà Lâm - Vinacomin | | 8,036,259,000 |
| 28 | 1 | 303/2025/HĐ-HLC | 18/04/2025 | Công ty cổ phần than Hà Lâm - Vinacomin | Lưới thép | 2 665 509 000 |
| 29 | 2 | 403/2025/HĐ-HLC | 04/06/2025 | Công ty cổ phần than Hà Lâm - Vinacomin | Lưới thép | 425 700 000 |
| 30 | 3 | 589/2025/HĐ-HLC | 11/08/2025 | Công ty cổ phần than Hà Lâm - Vinacomin | Lưới thép | 4 945 050 000 |
| | | | | Công ty cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin | | 15,741,195,090 |
| 31 | 1 | 665/HĐ-TVD-KH | 12/5/2025 | Công ty cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin | vật tư hàng hóa | 981 587 420 |
| 32 | 2 | 735/HĐ-TVD-KH | 24/5/2025 | Công ty cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin | vật tư hàng hóa | 459 047 320 |
| 33 | 3 | 781/HĐ-TVD-KH | 30/5/2025 | Công ty cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin | vật tư hàng hóa | 569 749 400 |
| 34 | 4 | 1097/HĐ-TVD-KH | 6/8/2025 | Công ty cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin | vật tư hàng hóa | 2 101 739 750 |

| TS | STT | SỐ HỢP ĐỒNG | NGÀY KÝ HỢP ĐỒNG | TÊN ĐƠN VỊ | HÀNG HOÁ | GIÁ TRỊ (ĐÃ BAO GỒM VAT) |
|----|-----|----------------|------------------|--|----------------------------|--------------------------|
| 35 | 5 | 1178/HĐ-TVD-KH | 27/8/2025 | Công ty cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin | vật tư hàng hóa | 891 903 000 |
| 36 | 6 | 1277/HĐ-TVD-KH | 23/9/2025 | Công ty cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin | vật tư hàng hóa | 83 160 000 |
| 37 | 7 | 1291/HĐ-TVD-KH | 30/9/2025 | Công ty cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin | vật tư hàng hóa | 975 163 200 |
| 38 | 8 | 302/HĐ - TVD | 03/03/2025 | Công ty cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin | vật tư hàng hóa | 2,900,645,000 |
| 39 | 9 | 395/HĐ - TVD | 28/03/2025 | Công ty cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin | vật tư hàng hóa, lưới thép | 2 545 950 000 |
| 40 | 10 | 956/HĐ - TVD | 30/06/2025 | Công ty cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin | vật tư hàng hóa, lưới thép | 2 552 550 000 |
| 41 | 11 | 1498/HĐ - TVD | 08/12/2025 | Công ty cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin | vật tư hàng hóa, lưới thép | 1 679 700 000 |
| | | | | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Thống Nhất - TKV | | 33 990 443 300 |
| 42 | 1 | 510/HĐMB-VTNC | 21/1/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Thống Nhất | vật tư hàng hóa | 950 229 500 |
| 43 | 2 | 1043/HĐMB-VTNC | 21/2/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Thống Nhất | vật tư hàng hóa | 975 235 690 |
| 44 | 3 | 1573/HĐMB-VTNC | 12/3/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Thống Nhất | vật tư hàng hóa | 11 958 375 000 |
| 45 | 4 | 3541/HĐMB-VTNC | 28/5/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Thống Nhất | vật tư hàng hóa, lưới thép | 891 761 420 |
| 46 | 5 | 4496/HĐMB-VTNC | 27/6/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Thống Nhất | vật tư hàng hóa, lưới thép | 562 067 000 |
| 47 | 6 | 5244/HĐMB-VTNC | 25/7/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Thống Nhất | vật tư hàng hóa, lưới thép | 955 059 600 |
| 48 | 7 | 6465/HĐMB-VTNC | 8/9/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Thống Nhất | vật tư hàng hóa | 11 127 677 000 |

| TS | STT | SỐ HỢP ĐỒNG | NGÀY KÝ HỢP ĐỒNG | TÊN ĐƠN VỊ | HÀNG HOÁ | GIÁ TRỊ (ĐÃ BAO GỒM VAT) |
|----|-----|------------------|------------------|---|---|--------------------------|
| 49 | 8 | 7184/HĐMB-VTNC | 30/9/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Thống Nhất | vật tư hàng hóa, lưới thép | 932 732 900 |
| 50 | 11 | 1899/HĐMB-VTNC | 25/3/25 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Thống Nhất | vật tư hàng hóa | 468 609 900 |
| 51 | 12 | 2700/HĐMB - VTNC | 22/4/25 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Thống Nhất | vật tư hàng hóa, lưới thép | 963 072 000 |
| 52 | 13 | 8062/HĐMB - VTNC | 28/10/25 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Thống Nhất | vật t r hàng hóa | 835 736 000 |
| 53 | 15 | 8924/HĐMB - VTNC | 27/11/25 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Thống Nhất | vật tư hàng hóa | 930 283 200 |
| 54 | 16 | 9593/HĐMB - VTNC | 19/12/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Thống Nhất | vật tư hàng hóa | 945 670 000 |
| 55 | 17 | 9747/HĐMB - VTNC | 24/12/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Thống Nhất | vật tư hàng hóa | 597 770 800 |
| 56 | 20 | 8267/HĐMB-VTNC | 04/11/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Thống Nhất | vật tư hàng hóa, Lưới thép | 896 163 290 |
| | | | | Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI | | 3 596 400 000 |
| 57 | 1 | 181/2025/HĐMB | 18/01/2025 | Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI | Vỏ bao Jumbo kín đáy sử dụng 01 lần loại PCB 30, PCB 40 | 882 900 000 |
| 58 | 2 | 306/2025/HĐMB | 30/06/2025 | Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI | Vỏ bao Jumbo kín đáy sử dụng 01 lần loại PCB 30, PCB 40 | 931 500 000 |
| 59 | 3 | 711/2025/HĐMB | 07/11/2025 | Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI | Vỏ bao Jumbo kín đáy sử dụng 01 lần loại PCB 30, PCB 40 | 810 000 000 |
| 60 | 4 | 001/2025/HĐMB | 27/12/2025 | Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI | Vỏ bao Jumbo kín đáy sử dụng 01 lần loại PCB 30, PCB 40 | 972 000 000 |
| | | | | Công ty cổ phần than Núi Béo - Vinacomin | | 9,637,724,250 |
| 61 | 1 | 191/HĐVT-KH | 09/05/2025 | Công ty cổ phần than Núi Béo - Vinacomin | Lưới thép | 979 877 250 |

| TS | STT | SỐ HỢP ĐỒNG | NGÀY KÝ HỢP ĐỒNG | TÊN ĐƠN VỊ | HÀNG HOÁ | GIÁ TRỊ (ĐÃ BAO GỒM VAT) |
|----|-----|-------------------|------------------|--|------------------------------|--------------------------|
| 62 | 2 | 170/HĐVT-KH | 05/05/2025 | Công ty cổ phần than Núi Béo - Vinacomin | Lưới thép | 2 650 032 000 |
| 63 | 3 | 231/HĐVT-KH | 05/06/2025 | Công ty cổ phần than Núi Béo - Vinacomin | Lưới thép | 3 069 495 000 |
| 64 | 3 | 390/HĐVT-KH | 21/10/2025 | Công ty cổ phần than Núi Béo - Vinacomin | Lưới thép | 979 877 250 |
| 65 | 4 | 423/HĐVT-KH | 13/11/2025 | Công ty cổ phần than Núi Béo - Vinacomin | Lưới thép | 979 877 250 |
| 66 | 4 | 478/HĐVT-KH | 13/12/2025 | Công ty cổ phần than Núi Béo - Vinacomin | Lưới thép | 978 565 500 |
| | | | | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Hòn Gai - TKV | | 7 345 800 000 |
| 67 | 1 | 18/HĐMB-VTTB-VHGC | 30/06/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Hòn Gai - TKV | Lưới thép | 7,345,800,000 |
| | | | | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Khe Chàm - TKV | | 24,819,537,600 |
| 68 | 1 | HĐ 520/HĐ-VKCC | 20/01/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Khe Chàm - TKV | Gông, thanh giằng, lưới thép | 10,619,400,000 |
| 69 | 2 | HĐ 527/HĐ-VKCC | 21/01/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Khe Chàm - TKV | Gông, thanh giằng | 5,471,235,000 |
| 70 | 3 | HĐ 3023/HĐ-VKCC | 11/4/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Khe Chàm - TKV | Gông, thanh giằng | 113,465,000 |
| 71 | 4 | HĐ 3841/HĐ-VKCC | 12/5/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Khe Chàm - TKV | Gông, thanh giằng | 572,000,000 |
| 72 | 5 | HĐ 4251/HĐ-VKCC | 23/5/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Khe Chàm - TKV | Gông, thanh giằng | 51,497,600 |
| 73 | 6 | HĐ 5333/HĐ-VKCC | 26/6/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Khe Chàm - TKV | Gông, thanh giằng | 910,800,000 |
| 74 | 7 | HĐ 7221/HĐ-VKCC | 04/9/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Khe Chàm - TKV | Gông, thanh giằng | 922,900,000 |

| TS | STT | SỐ HỢP ĐỒNG | NGÀY KÝ HỢP ĐỒNG | TÊN ĐƠN VỊ | HÀNG HOÁ | GIÁ TRỊ (ĐÃ BAO GỒM VAT) |
|-----------|-------------------------|--------------------|------------------|--|---|--------------------------|
| 75 | 8 | HD 7952/HĐ-VKCC | 30/9/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Khe Chàm - TKV | Gông, thanh giăng | 2,069,540,000 |
| 76 | 9 | HD 8233/HĐ-VKCC | 07/10/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Khe Chàm - TKV | Lưới thép | 4,088,700,000 |
| | | | | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công Ty Xây lắp mỏ-TKV | | 5 048 564 400 |
| 77 | 1 | 83/2025/HĐ-XLM | 24/01/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công Ty Xây lắp mỏ-TKV | Gông, thanh giăng | 813,043,000 |
| 78 | 2 | 209/2025/HĐ-XLM | 27/02/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công Ty Xây lắp mỏ-TKV | Gông, thanh giăng | 566,566,000 |
| 79 | 3 | 534/2025/HĐ-XLM | 29/04/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công Ty Xây lắp mỏ-TKV | Gông, thanh giăng | 889,350,000 |
| 80 | 2 | 661/2025/HĐ-XLM | 30/05/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công Ty Xây lắp mỏ-TKV | Gông, thanh giăng | 667,176,400 |
| 81 | 4 | 752/2025/HĐ-XLM | 18/06/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công Ty Xây lắp mỏ-TKV | Gông, thanh giăng | 345,950,000 |
| 82 | 5 | 950/2025/HĐ-XLM | 31/07/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công Ty Xây lắp mỏ-TKV | Gông, thanh giăng | 745,019,000 |
| 83 | 3 | 1078/2025/HĐ-XLM | 29/08/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công Ty Xây lắp mỏ-TKV | Gông, thanh giăng | 672,210,000 |
| 84 | 6 | 1373/2025/HĐ-XLM | 04/11/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công Ty Xây lắp mỏ-TKV | Gông, thanh giăng | 173,690,000 |
| 85 | 7 | 1468/2025/HĐ-XLM | 05/12/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công Ty Xây lắp mỏ-TKV | Gông, thanh giăng | 175,560,000 |
| | | | | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công Ty than Quang Hanh-TKV | | 8 349 000 000 |
| 86 | 1 | 480/HĐ - VQHC - KH | 19/08/2025 | Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công Ty than Quang Hanh-TKV | Lưới thép | 8 349 000 000 |
| II | HỢP ĐỒNG MUA VÀO | | | | | |
| 1 | 1 | 677/HĐ - CĐT-K | 25/11/2025 | Trường cao đẳng than - khoáng sản Việt Nam | đào tạo nghề vận hành thiết bị sản xuất vỏ bao bì | 38,000,000 |

| TS | STT | SỐ HỢP ĐỒNG | NGÀY KÝ HỢP ĐỒNG | TÊN ĐƠN VỊ | HÀNG HOÁ | GIÁ TRỊ (ĐÃ BAO GỒM VAT) |
|----|-----|---------------|------------------|---|-------------------------------------|--------------------------|
| 2 | 2 | 529/HĐ - KTKH | 31/12/2025 | Tổng công ty Công Nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP | Thuê tài sản | 417,180,000 |
| 3 | 3 | HDDV - TTDD/V | 20/10/2025 | Công ty Than Núi Hồng - VVMI - Chi nhánh tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP | dịch vụ nghỉ mát kết hợp điều dưỡng | 32,659,200 |
| 4 | 4 | DDV - TTDD/V | 16/10/2025 | Trung tâm Điều dưỡng ngành than - VVMI - CN tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP | dịch vụ nghỉ mát kết hợp điều dưỡng | 46,656,000 |
| 5 | 5 | 2/HĐ-CKM-VTT | 24/11/2025 | Công ty CP cơ khí mỏ Việt Bắc-VVMI | Dịch vụ sửa chữa máy móc | 77,317,200 |
| 6 | 6 | 15/HĐV - VTTH | 18/08/2025 | Công ty CP khách sạn Thái Nguyên VVMI | Dịch vụ nghỉ mát | 633,600,000 |

clp

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP
MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT
VÀ KINH DOANH VTTB - VVMI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2026.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59 /2020/QH14 ngày 17 /06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật tư Thiết bị - VVMI được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 16/4/2021;
- Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát và Báo cáo Quyết toán Tài chính năm 2026 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán BDO thực hiện kiểm toán.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật tư Thiết bị - VVMI xin trình bày trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 về kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát, kết quả thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 của Công ty, cụ thể như sau:

I. Tình hình hoạt động giám sát của Ban kiểm soát:

1. Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên không chuyên trách. Trong năm Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ các chức trách, nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hoạt động quản trị, điều hành và các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 phiên họp trực tiếp và 02 phiên họp online, với sự tham gia của các thành viên trong Ban. Trong năm, một thành viên BKS vì lý do cá nhân nên không tham gia đầy đủ các cuộc họp. BKS đã thực hiện phân công nhiệm vụ để đảm bảo hoạt động không bị gián đoạn. Thực hiện xây dựng chương trình công tác cụ thể, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm soát, kiểm điểm đánh giá kết quả thực hiện công việc. Qua kết quả kiểm tra, giám sát của các thành viên, các ý kiến của Ban Kiểm soát được chuyển đến Hội đồng quản trị và Ban Điều hành bằng hình thức gửi báo cáo, ý kiến tại các phiên họp Hội đồng quản trị.



- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty. Giám sát việc chấp hành Điều lệ, triển khai thực hiện các Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 thông qua.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2025.
- Năm 2025, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra, giám sát theo kế hoạch hoạt động của ban trên một số chuyên đề về công tác quản lý vật tư, công tác quản lý tiền lương, công nợ phải thu, phải trả, công tác quản lý đầu tư, thuê ngoài và các công việc khác thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.

Nhìn chung Công ty đã nghiêm túc tuân thủ thực hiện các quy chế, quy định quản trị nội bộ của đơn vị, của Tổng công ty và Tập đoàn TKV, cũng như chấp hành chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước. Bên cạnh đó thì cũng còn một số sơ suất, thiếu sót tại một số phòng ban mà Ban kiểm soát đã có ý kiến tại Biên bản làm việc và Báo cáo gửi Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo điều hành.

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của Báo cáo tài chính giữa niên độ và Báo cáo Tài chính năm 2025 của công ty.
- Tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty khi được mời.
- Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty về những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của công ty cũng như việc tuân thủ các quy định của pháp luật.
- Giám sát việc xây dựng quy chế, quy định của Công ty và việc thực hiện các quy chế, quy định đã ban hành.
- Thường xuyên trao đổi, giữ mối liên hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã làm việc đúng chức năng của mình với tinh thần trách nhiệm cao, làm việc theo nguyên tắc tập thể, các thành viên BKS chịu trách nhiệm cá nhân về nhiệm vụ mình được phân công. Kiểm tra một cách độc lập, khách quan và báo cáo theo ý kiến của mình về tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính cũng như tính tuân thủ các hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của thành viên Ban kiểm soát

3.1. Bà Trần Thu Hương - Trưởng ban kiểm soát

- Phụ trách chung công việc của Ban kiểm soát;
- Triệu tập và chủ trì các buổi làm việc của Ban kiểm soát, xây dựng kế hoạch, nội dung tiến độ của các cuộc kiểm tra, liên hệ với các phòng, ban trong Công ty để nhận thông tin, dữ liệu phục vụ công việc của Ban Kiểm soát;
- Phụ trách và giải quyết trực tiếp các yêu cầu đột xuất theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp hiện hành;

- Giám sát HĐQT, ban điều hành triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;

- Cùng Ban Kiểm soát xem xét và thẩm định Báo cáo tài chính bán niên độ và BCTC năm của Công ty;

- Theo dõi hoạt động tài chính, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty;

- Tổng hợp ý kiến của các thành viên BKS, lập và ký báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trình lên Đại hội đồng cổ đông sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị Công ty.

Trong năm hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

3.2. Bà Nguyễn Thị Thúy Nga - Thành viên Ban kiểm soát

- Kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng tài sản cố định và các dự án đầu tư của Công ty; theo dõi việc giao khoán, quyết toán chi phí, giá thành, định mức kinh tế kỹ thuật của Công ty; theo dõi việc thực hiện hợp đồng kinh tế, dân sự, công tác vật tư, thuê ngoài, xây dựng cơ bản của Công ty;

- Kiểm tra, giám sát công tác tổ chức hạch toán, luân chuyển chứng từ, tính hợp pháp, hợp lý chứng từ kế toán, việc thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước;

- Kiểm tra, giám sát việc quản lý tiền mặt, ngân hàng, công nợ, hàng hóa, tài sản ngắn hạn của Công ty; kiểm tra việc thực hiện sản xuất kinh doanh bám sát với kế hoạch đã được ĐHCĐ thông qua;

- Báo cáo và đề xuất những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ được phân công tới Trưởng BKS;

- Thư ký cho các cuộc họp của Ban kiểm soát;

- Thực hiện một số nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Trưởng BKS;

- Chịu trách nhiệm trước Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông về các nhiệm vụ được phân công.

Trong năm hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

3.3. Ông Tô Toàn Thắng - Thành viên Ban kiểm soát

Trong nhiệm kỳ 2023-2028, Ông Tô Toàn Thắng thực hiện nhiệm vụ từ ngày 01/01/2023 đến ngày 17/4/2025.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng lao động, các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người lao động;

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng đối với cán bộ công nhân viên trong Công ty;

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy trình sản xuất, công nghệ; công tác cơ điện, an toàn, môi trường, phòng chống cháy nổ;

- Kiểm tra, giám sát công tác thị trường; công tác bán hàng và thu hồi công nợ;
- Báo cáo và đề xuất những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ được phân công tới Trưởng BKS;
- Thực hiện một số nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Trưởng BKS;
- Thư ký cho các cuộc họp của Ban kiểm soát;
- Chịu trách nhiệm trước Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông về các nhiệm vụ được phân công.

Trong năm hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

3.3. Ông Nguyễn Đình Huy - Thành viên Ban kiểm soát

Trong nhiệm kỳ 2023-2028, Ông Nguyễn Đình Huy thực hiện nhiệm vụ từ ngày 17/04/2025 đến nay.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng lao động, các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người lao động;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng đối với cán bộ công nhân viên trong Công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy trình sản xuất, công nghệ; công tác cơ điện, an toàn, môi trường, phòng chống cháy nổ;
- Kiểm tra, giám sát công tác bán hàng và thu hồi công nợ;
- Báo cáo và đề xuất những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ được phân công tới Trưởng BKS;
- Thực hiện một số nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Trưởng BKS;
- Chịu trách nhiệm trước Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông về các nhiệm vụ được phân công.

II. Kết quả giám sát các mặt hoạt động năm 2025

1. Về hoạt động quản lý điều hành của Hội đồng quản trị Công ty:

- Trong năm 2025 Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời đúng định hướng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025. Hội đồng quản trị công ty đã tiến hành các cuộc họp định kỳ và bất thường theo quy định của Điều lệ Công ty, theo đó Hội đồng quản trị công ty đã tiến hành 28 phiên họp và ban hành 30 nghị quyết, 31 quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đã ban hành đúng với chức năng, quyền hạn và phù hợp với việc triển khai nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2025, tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy định pháp luật hiện hành khác.

du

- Bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện các quy chế nội bộ để làm cơ sở cho hoạt động của Công ty ngày càng rõ ràng, minh bạch.

2. Về công tác tổ chức thực hiện của Ban giám đốc Công ty:

- Ban Giám đốc có những chỉ đạo sát sao và quyết liệt trong điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản, sử dụng vốn đúng mục đích trong sản xuất kinh doanh; tuân thủ các quy định của pháp luật, chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ với nhà nước theo quy định, quản lý chặt chẽ tài sản và nguồn vốn của Công ty;
- Giám đốc công ty đã nghiêm túc triển khai các nghị quyết của HĐQT; thực hiện các nhiệm vụ theo quy chế quản lý được quy định tại Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quy chế Người đại diện Tổng công ty ban hành;
- Chủ động xây dựng và ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền quản lý khác trong Công ty;
- Thực hiện thỏa ước lao động và hợp đồng lao động đã ký, công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng, nâng lương, nâng bậc... thực hiện theo quy định của Pháp luật và Quy chế Công ty;
- Thực hiện việc tập trung chỉ đạo, triển khai đồng bộ các giải pháp để tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với điều kiện của đơn vị, kịp thời ứng phó với những biến động giá nguyên vật liệu đầu vào đảm bảo duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như chăm lo đời sống người lao động, cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đề ra.

3. Kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025:

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức so với chỉ tiêu kế hoạch được giao cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

| SỐ TT | CHỈ TIÊU | ĐVT | KH NĂM | LŨY KẾ NĂM 2025 | TỶ LỆ% TH/KH |
|-----------|--------------------------|-------------|------------------------|------------------------|--------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| I | CHỈ TIÊU SẢN XUẤT | | | | |
| 1 | Vỏ bao xi măng | vỏ | 12 880 000 | 14 963 000 | 116,2 |
| 2 | Lưới thép | m2 | 1 550 000 | 2 226 710 | 143,7 |
| 3 | Phụ kiện hầm lò | bộ | 500 000 | 680 708 | 136,1 |
| II | TỔNG DOANH THU | đồng | 299 266 000 000 | 353 988 322 055 | 118,29 |
| 1 | Vỏ bao xi măng | đồng | 67 487 200 000 | 76 966 469 480 | 114,05 |
| 2 | Lưới thép | đồng | 70 525 000 000 | 93 732 515 195 | 132,91 |
| 3 | Phụ kiện hầm lò | đồng | 75 100 000 000 | 48 289 557 900 | 64,30 |

ch

| | | | | | |
|-----|-------------------------------|-----------------|----------------|-----------------|--------|
| 4 | Vỏ bao Jumbo + hydroxit | đồng | 37 607 500 000 | 31 032 326 480 | 82,52 |
| 5 | Kinh doanh tổng hợp | đồng | 48 546 300 000 | 103 967 453 000 | 214,16 |
| III | Tiền lương bình quân (130 ng) | đ/ người/ tháng | 10 517 477 | 17 029 497 | 161,92 |
| IV | Lợi nhuận | đồng | 2 600 000 000 | 4 046 689 469 | 155,64 |

Với tài liệu được cung cấp, qua xem xét thẩm định và kết hợp với quá trình kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát Công ty thống nhất đánh giá:

- Năm 2025, Công ty đã tập trung chỉ đạo các phòng ban, phân xưởng tích cực triển khai đồng bộ các giải pháp trong tổ chức sản xuất kinh doanh, đoàn kết nhất trí khắc phục mọi khó khăn, tập trung đẩy mạnh hoạt động sản xuất vỏ bao, lưới thép, gông lò, kinh doanh vật tư hàng hóa, thực hành tiết kiệm chi phí, đảm bảo ổn định sản xuất, việc làm, thu nhập cho người lao động. So với nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025, Công ty đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về lợi nhuận đạt 155,64% kế hoạch, doanh thu đạt 118.29% kế hoạch, tiền lương bình quân người lao động đạt 161,92% kế hoạch.

-Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã nghiêm túc quán triệt, chấp hành tuân thủ theo các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế của Công ty, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông thường niên thường niên năm 2025, vì lợi ích của các cổ đông.

-Thống nhất với các báo cáo của Hội đồng quản trị, Báo cáo của Giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.

-Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ tài sản của Công ty để trục lợi hay phục vụ lợi ích cá nhân và người thân...

Trong năm 2025, thông qua hoạt động giám sát của mình, Ban kiểm soát không nhận thấy bất thường nào trong hoạt động kinh doanh. Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

4. Thu nhập, thù lao, các khoản lợi ích và chi phí cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều hành:

Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát được hưởng lương, thương và các quyền lợi khác theo Quy chế quản lý Tiền lương, và các chế độ phúc lợi khác theo quy định hiện hành của Công ty và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua. Trong đó tiền lương của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành chuyên trách nằm trong quỹ tiền lương người quản lý và được trả theo vị trí, chức danh công việc gắn với mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách năm 2025:

- + Chủ tịch HĐQT: 4 320 000đ/người/tháng
- + Thành viên HĐQT: 3 780 000 đ/người/tháng
- + Trưởng ban kiểm soát: 3 980 000 đ/người/tháng

+ Thành viên BKS: 3 420 000 đ/người/tháng

5. Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã duy trì mối quan hệ trong công tác, hợp tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty và các cổ đông, tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ.

III. Kết quả thẩm định Báo cáo Tài chính Công ty năm 2025

3.1. Bảng cân đối kế toán:

Đơn vị tính: VNĐ

| Tài sản | Mã | Số | Số |
|---|------------|-----------------------|-----------------------|
| | số | cuối kỳ | đầu năm |
| 1 | 2 | 4 | 5 |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | 69.878.822.914 | 62.063.481.413 |
| (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 545.585.439 | 1.028.184.648 |
| 1. Tiền | 111 | 545.585.439 | 1.028.184.648 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 55.523.835.785 | 54.147.300.889 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 55.470.809.186 | 52.240.849.291 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 45.174.472 | 757.150.000 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 7.852.127 | 1.149.301.598 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 13.047.440.007 | 6.772.969.390 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 13.047.440.007 | 6.772.969.390 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho(*) | 149 | | |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 761.961.683 | 115.026.486 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 412.917.968 | 115.026.486 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước | 153 | 349.043.715 | |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | 3.825.225.700 | 3.904.493.107 |
| (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260) | | | |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | |
| II. Tài sản cố định | 220 | 3.322.667.993 | 3.871.117.188 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 3.322.667.993 | 3.871.117.188 |
| - Nguyên giá | 222 | 53.709.502.482 | 52.157.150.871 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | -50.386.834.489 | (48.286.033.683) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 479.600.000 | |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | 22.957.707 | 33.375.919 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 22.957.707 | 33.375.919 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | 73.704.048.614 | 65.967.974.520 |
| C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | 53.200.335.358 | 45.562.669.937 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | 52.656.935.358 | 45.551.919.937 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 21.210.839.245 | 24.167.229.906 |

| | | | |
|--|------------|-----------------------|-----------------------|
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 1.084.448.558 | 1.350.919.326 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | 11.459.258.504 | 11.421.206.032 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 42.481.798 | 38.775.939 |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | 142.750.000 | 216.000.000 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 644.249.704 | 505.435.276 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 17.330.769.602 | 7.398.389.413 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | |
| 12. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 322 | 742.137.947 | 453.964.045 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | 543.400.000 | 10.750.000 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | 10.750.000 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430) | 400 | 20.503.713.256 | 20.405.304.583 |
| 1. Vốn chủ sở hữu | 410 | 20.503.713.256 | 20.405.304.583 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 12.500.000.000 | 12.500.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | 12.500.000.000 | 12.500.000.000 |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 4.813.339.681 | 4.813.339.681 |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 3.190.373.575 | 3.091.964.902 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | 3.190.373.575 | 3.091.964.902 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | 73.704.048.614 | 65.967.974.520 |

3.2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: VNĐ

| STT | Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết Minh | Năm nay | Năm trước |
|-----|---|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.25 | 353.988.322.055 | 353.149.272.622 |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | | |
| 3 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 353.988.322.055 | 353.149.272.622 |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 11 | VI.28 | 325.941.470.894 | 324.137.883.274 |
| 5 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 28.046.851.161 | 29.011.389.348 |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.29 | 1.980.677 | 4.986.467 |
| 7 | Chi phí tài chính | 22 | VI.30 | 1.232.218.990 | 1.364.942.394 |
| 8 | Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 1.232.218.990 | 1.364.942.394 |
| 9 | Chi phí bán hàng | 25 | | 10.548.463.069 | 11.464.281.644 |
| 10 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | | 12.253.413.940 | 12.360.850.510 |
| 11 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 4.014.735.839 | 3.826.301.267 |
| 12 | Thu nhập khác | 31 | | 31.953.630 | 77.519.860 |

| | | | | | |
|----|--|----|-------|---------------|---------------|
| 13 | Chi phí khác | 32 | | | |
| 14 | Lợi nhuận khác | 40 | | 31.953.630 | 77.519.860 |
| 15 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 4.046.689.469 | 3.903.821.127 |
| 16 | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.31 | 856.315.894 | 811.856.225 |
| 17 | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | VI.32 | | |
| 18 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 3.190.373.575 | 3.091.964.902 |
| 19 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | 1.600 | 1.600 |
| 20 | Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | | | |

3.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị tính: VNĐ

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM | |
|---|-------|-------------------|----------------|
| | | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
| B | C | D | E |
| LƯU CHUYỂN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| <i>Lợi nhuận trước thuế</i> | 01 | 4.046.689.469 | 3.903.821.127 |
| <i>Điều chỉnh cho các khoản</i> | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 2.138.396.010 | 2.376.679.704 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | -2.890.677 | -4.986.467 |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 1.232.218.990 | 1.364.942.394 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | |
| <i>Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i> | 08 | 7.414.413.792 | 7.640.456.758 |
| - Tăng giảm các khoản phải thu | 09 | -1.855.178.611 | -284.808.449 |
| - Tăng giảm hàng tồn kho | 10 | -5.274.470.617 | 5.173.921.768 |
| - Tăng giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | -2.800.222.103 | -7.881.530.964 |
| - Tăng giảm chi phí trả trước | 12 | -287.473.270 | -67.578.675 |
| - Tăng giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | -1.228.513.131 | -1.375.147.023 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | -1.186.088.320 | |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | -803.791.000 | -819.226.600 |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i> | 20 | -7.021.323.260 | 2.386.086.815 |
| LƯU CHUYỂN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| <i>Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác</i> | 21 | -1.939.946.815 | |
| <i>Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ</i> | 22 | 910.000 | |

| | | | |
|---|----|------------------|------------------|
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 1.980.677 | 4.986.467 |
| Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | -1.937.056.138 | 4.986.467 |
| LƯU CHUYỂN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | 153.786.387.201 | 186.336.448.726 |
| - Ngắn hạn | | 153.786.387.201 | 186.336.448.726 |
| - Dài hạn | | | |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | -143.310.607.022 | -192.159.960.366 |
| Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | -2.000.000.000 | -2.000.000.000 |
| Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 8.475.780.189 | -7.823.511.640 |
| Lưu chuyển thuần trong kỳ (50=20+30+40) | 50 | -482.599.209 | -5.432.438.358 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 1.028.184.648 | 6.460.623.006 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61) | 70 | 545.585.439 | 1.028.184.648 |

3.4 Cơ cấu sở hữu cổ phần tại ngày 31/12/2025

Vốn Điều lệ của Công ty là: 12 500 trđ, được chia thành 1 250 000 cổ phần.

Trong đó:

Tổng công ty CN mở Việt Bắc TKV - CTCP: 6 375 trđ tương đương 51%

Cổ đông khác: 6 125 trđ tương đương 49 %

3.5. Các hệ số phản ánh tình hình tài chính của Công ty

| STT | CÁC CHỈ TIÊU | Đơn vị tính | Năm 2025 | Năm 2024 | Tăng, giảm | |
|-----|---------------------------------|-------------|----------|----------|------------|-----------|
| | | | | | Mức | Tỷ lệ % |
| A | B | C | 1 | 2 | 3 = 2 - 1 | 4 = 2 / 1 |
| 1 | Hệ số bảo toàn vốn | Lần | 1,00 | 1,01 | (0,01) | 99,18 |
| 2 | Hệ số khả năng thanh toán | | | | | |
| 2.1 | Hệ số thanh toán hiện thời | Lần | 1,33 | 1,36 | (0,04) | 97,40 |
| 2.2 | Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 1,08 | 1,21 | (0,13) | 88,92 |
| 3 | Hệ số phản ánh cơ cấu nguồn vốn | | | | | |
| 3.1 | Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu | Lần | 2,59 | 2,23 | 0,36 | 116,20 |
| 3.2 | Hệ số nợ/Vốn điều lệ | Lần | 4,26 | 3,65 | 0,61 | 116,76 |
| 4 | Hệ số phản ánh cơ cấu tài sản | | | | | |

| | | | | | | |
|----------|-------------------------------------|---|-------|-------|------|--------|
| 4.1 | Tỷ lệ đầu tư vào tài sản ngắn hạn | % | | | | |
| 4.2 | Tỷ lệ đầu tư vào tài sản dài hạn | % | | | | |
| 5 | Hệ số khả năng sinh lời | | | | | |
| 5 | Tỷ suất lợi nhuận / Doanh thu | % | 0,90 | 0,88 | 0,03 | 102,94 |
| 6 | Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA) | % | 4,57 | 4,27 | 0,30 | 107,10 |
| 7 | Tỷ suất lợi nhuận / Vốn góp của CSH | % | 15,56 | 15,15 | 0,41 | 102,69 |
| 8 | Tỷ suất sinh lời / Vốn CSH (ROE) | % | 15,60 | 15,25 | 0,35 | 102,27 |
| | | | | | | |

Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả kinh doanh:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu: Hệ số này là: 0.90 Điều đó có nghĩa là cứ mỗi 1 đồng doanh thu tạo ra 0.9 đồng lợi nhuận. Tỷ số này phản ánh việc sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả.

- Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA): Chỉ tiêu này bằng: 4,57, điều đó cho thấy việc quản lý và sử dụng tài sản để tạo ra thu nhập của đơn vị mang lại hiệu quả cao.

- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE): Chỉ tiêu này bằng 15,6%; điều này có nghĩa là 15,6 đồng lợi nhuận ròng đạt được từ 100 đồng vốn kinh doanh chủ sở hữu đầu tư.

- Hệ số bảo toàn vốn:

Hệ số bảo toàn vốn là: 1.0 lần, như vậy Công ty bảo toàn và phát triển vốn.

- Hiệu quả sử dụng vốn:

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROF)= 15,6%

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/BQ tổng tài sản (ROA) = 4,57%

Điều này cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản để tạo ra lợi nhuận của Công ty.

+ Khả năng sinh lời: Nhìn chung khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu tương đối tốt và ổn định. Tuy nhiên khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu phụ thuộc vào khả năng sinh lời của tổng tài sản. Vậy nên để tăng khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu được tốt hơn nữa, Công ty cần tìm biện pháp để tăng hệ số tài sản trên vốn chủ sở hữu và tăng khả năng sinh lời của tài sản bằng giải pháp: giảm hàng tồn kho(Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang) và công nợ phải thu nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

3.4. Các ý kiến thẩm định của Ban kiểm soát

cho

Trên cơ sở thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2025 của Công ty, Ban Kiểm soát Công ty thống nhất xác nhận số liệu Báo cáo Tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO. Theo ý kiến của Ban Kiểm soát, Báo cáo Tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật tư Thiết bị - VVMI:

Đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ 01/01/2025 đến 31/12/2025 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty đã hoàn thành các nghĩa vụ về thuế đối với nhà nước;

Công ty đã thực hiện trích nộp BHXH, BHYT, KPCĐ kịp thời và đúng hạn cho cán bộ công nhân viên đã ký hợp đồng lao động.

Chứng từ, sổ sách kế toán được ghi chép, hạch toán, cơ bản đảm bảo tính tuân thủ theo chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và phù hợp với chuẩn mực kế toán hiện hành.

3.5. Kiến nghị của Ban kiểm soát

Trong năm 2026, cạnh tranh địa chính trị có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường. Xung đột Nga - Ukraine tiếp tục leo thang, tình hình Trung Đông tiếp tục căng thẳng làm gián đoạn các nguồn cung ứng nguyên vật liệu, đẩy giá nhiên liệu và hạt nhựa lên mức kỷ lục. Bên cạnh đó, xu hướng dịch chuyển nhu cầu từ xi măng bao sang xi măng bột tiếp tục làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh. Để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm 2026, mang lại lợi ích cho cổ đông và người lao động, Ban kiểm soát đề nghị bộ máy điều hành Công ty quan tâm đến một số nội dung như sau:

- Tiếp tục duy trì sản xuất ổn định, nâng cao thời gian huy động, năng suất thiết bị, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh sản phẩm đảm bảo tăng trưởng hợp lý, bền vững; tiếp tục đẩy mạnh việc giữ vững và phát triển trên thị trường truyền thống, không ngừng phát triển thị trường mới để tăng sản lượng tiêu thụ. Tiếp tục hoàn thiện công tác tái cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý.

- Tìm kiếm nguồn nguyên vật liệu đầu vào giá rẻ đảm bảo chất lượng, để tiết kiệm chi phí sản xuất nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty

- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đưa công nghệ 4.0 vào thực tiễn nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời tiết kiệm nhiên liệu, điện năng giảm chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao mức độ an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

- Tăng cường áp dụng tin học hóa, tự động hóa, chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tiết giảm lao động và nâng cao năng suất, đảm bảo năng lực cạnh tranh và phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý và thu hồi công nợ, giảm dư nợ khách hàng bình quân, an toàn và tăng vòng quay vốn.
- Điều hành một cách linh hoạt các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.
- Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án đầu tư đổi mới dây chuyền công nghệ, để duy trì sản xuất ổn định đem lại hiệu quả sản xuất cho Công ty, phát huy tốt hơn nữa hiệu quả nguồn vốn đã đầu tư.
- Tăng cường giám sát, chấp hành đúng pháp luật, đảm bảo lợi ích cho nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

IV .Phương hướng hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2026

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát và Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2026, Ban Kiểm soát đề ra hoạt động năm 2026 như sau:

1. Thực hiện kế hoạch hoạt động giám sát, kiểm tra theo định kỳ hàng quý đã được xây dựng từ đầu năm; Giám sát việc thực hiện chuyển đổi chế độ kế toán theo hướng dẫn tại Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025.
2. Giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước và việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026;
3. Thẩm định Báo cáo Tài chính 6 tháng và BCTC năm 2026 của Công ty;
4. Phối hợp với HĐQT, Ban giám đốc trong việc quản lý vốn chủ sở hữu.
5. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

Nơi nhận:

- Các cổ đông (e);
- Thành viên HĐQT, BKS(e);
- Giám đốc, các Phó giám đốc (e);
- Lưu: BKS, TKCT,(Hn). 03b.



Trần Thu Hương

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP
MỎ VIỆT BẮC TKV – CTP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT
& KINH DOANH VTTB – VVMI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 0043 / TTr - HĐQT

Hà nội, ngày 19 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

*V/v Phê duyệt kết quả SXKD, quyết toán tài chính,
Phân phối lợi nhuận năm 2025
của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh VTTB – VVMI.*

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026,
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VTTB – VVMI**

- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI. Ban hành kèm theo QĐ số 0078/QĐ-HĐQT ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty;
- Căn cứ báo cáo quyết toán tài chính năm 2025 của Công ty đã được Công ty TNHH kiểm toán BDO Việt Nam thực hiện kiểm toán;
- Căn cứ tờ trình của Giám đốc Công ty về việc xin phê duyệt kết quả SXKD, quyết toán tài chính năm 2025;

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026: Quyết toán tài chính, kết quả SXKD, phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI (bảng số liệu chi tiết kèm theo).

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- TV HĐQT, BKS;
- Đăng tải Website Cty;
- Lưu VT, HĐQT(Ch).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Dũng

KẾT QUẢ SXKD, QUYẾT TOÁN TÀI CHÍNH
PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CHIA CỔ TỨC NĂM 2025
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI
(Kèm theo tờ trình số: 0 0 4 3 /TTr-HĐQT ngày 1^o tháng 3 năm 2026)

| TT | CHỈ TIÊU | SỐ TIỀN (ĐỒNG) | GHI CHÚ |
|-----------|--|----------------------|---------|
| A | B | 1 | 2 |
| I | VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH | | |
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 353 988 322 055 | |
| 2 | Giá vốn hàng bán | 325 941 470 894 | |
| 3 | Lợi nhuận gộp | 28 046 851 161 | |
| 4 | Doanh thu hoạt động tài chính | 1 980 677 | |
| 5 | Chi hoạt động tài chính | 1 232 218 990 | |
| | Trong đó: Lãi vay | 1 232 218 990 | |
| 6 | Chi phí bán hàng | 10 548 463 069 | |
| 7 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 12 253 413 940 | |
| 8 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 4 014 735 839 | |
| 9 | Thu nhập khác | 31 953 630 | |
| 10 | Chi phí khác | | |
| 11 | Lợi nhuận khác | 31 953 630 | |
| 12 | Tổng lợi nhuận trước thuế | 4 046 689 469 | |
| 13 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 856 315 894 | |
| 14 | Các khoản trừ vào lợi nhuận sau thuế | | |
| 15 | Lợi nhuận sau thuế | 3 190 373 575 | |
| II | THỰC HIỆN NGHĨA VỤ NGÂN SÁCH | | |
| 1 | Tổng số thuế phải nộp | 5 300 677 073 | |
| | Thuế giá trị gia tăng | 2 956 385 213 | |
| | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 856 315 894 | |
| | Thuế xuất,nhập khẩu | | |
| | Thuế nhà đất | 962 734 097 | |
| | Thuế môn bài | 3 000 000 | |
| | Thuế thu nhập cá nhân | 522 241 869 | |
| | Các khoản phải nộp khác | | |
| 2 | Tổng số thuế đã nộp | 5 567 147 841 | |
| | Thuế giá trị gia tăng | 2 893 083 555 | |
| | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1 186 088 320 | |
| | Thuế xuất,nhập khẩu | | |
| | Thuế nhà đất | 962 734 097 | |
| | Thuế môn bài | 3 000 000 | |
| | Thuế thu nhập cá nhân | 522 241 869 | |
| | Các khoản phải nộp khác | | |
| 3 | Tổng số thuế còn phải nộp | 1 084 448 558 | |
| | Thuế giá trị gia tăng | 1 016 839 899 | |
| | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 67 608 659 | |
| | Thuế nhà đất | | |
| | Thuế môn bài | | |
| | Thuế thu nhập cá nhân | | |

| TT | CHỈ TIÊU | SỐ TIỀN (ĐỒNG) | GHI CHÚ |
|------------|--|-----------------------|---------|
| III | TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN | | |
| * | TÀI SẢN | | |
| a | Tài sản ngắn hạn | 69 878 822 914 | |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 545 585 439 | |
| 1.1 | Tiền | 545 585 439 | |
| 1.2 | Các khoản tương đương tiền | | |
| 2 | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | | |
| 2.1 | Đầu tư ngắn hạn | | |
| 2.2 | Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư | | |
| 3 | Các khoản phải thu | 55 523 835 785 | |
| 3.1 | Phải thu của khách hàng | 55 470 809 186 | |
| 3.2 | Trả trước cho người bán | 45 174 472 | |
| 3.3 | Phải thu khác | 7 852 127 | |
| 3.4 | Dự phòng khoản phải thu khó đòi | | |
| 4 | Hàng tồn kho | 13 047 440 007 | |
| 4.1 | Nguyên vật liệu tồn kho | 2 585 253 170 | |
| 4.2 | Công cụ, dụng cụ tồn kho | 20 862 725 | |
| 4.3 | Chi phí sản xuất dở dang | 3 880 891 965 | |
| 4.5 | Thành phẩm | 6 560 432 147 | |
| 4.6 | Hàng gửi bán | | |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 761 961 683 | |
| 5.1 | Chi phí trả trước ngắn hạn | 412 917 968 | |
| 5.2 | Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | | |
| 5.3 | Thuế và các khoản phải thu | 349 043 715 | |
| 5.4 | Tài sản ngắn hạn khác | | |
| b | Tài sản dài hạn | 3 825 225 700 | |
| 1 | Các khoản phải thu dài hạn | | |
| 1.1 | Phải thu dài hạn của khách hàng | | |
| 1.2 | Phải thu nội bộ dài hạn | | |
| 1.3 | Phải thu dài hạn khác | | |
| 1.4 | Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | | |
| 2 | Tài sản cố định | 3 322 667 993 | |
| 2.1 | Tài sản cố định hữu hình | 3 322 667 993 | |
| | -Nguyên giá | 53 709 502 482 | |
| | -Giá trị hao mòn lũy kế | -50 386 834 489 | |
| | -Chi phí XDCB dở dang | | |
| 3 | Bất động sản đầu tư | | |
| 4 | Tài sản dở dang dài hạn | 479 600 000 | |
| | - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài | | |
| | - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 479 600 000 | |
| 5 | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | | |
| 6 | Tài sản dài hạn khác | 22 957 707 | |
| 6.1 | Chi phí trả trước dài hạn | 22 957 707 | |
| 6.2 | Tài sản thuế thu nhập hoãn trả | | |
| 6.3 | Tài sản dài hạn khác | | |
| | CỘNG TÀI SẢN | 73 704 048 614 | |
| * | NGUỒN VỐN | | |
| I | Nợ ngắn hạn | 52 656 935 358 | |
| 1 | Vay và nợ ngắn hạn | | |

| TT | CHỈ TIÊU | SỐ TIỀN (ĐỒNG) | GHI CHÚ |
|------------|---------------------------------------|-----------------------|---------|
| 1.1 | Vay ngắn hạn | | |
| 1.2 | Nợ dài hạn đến kỳ trả | | |
| 2 | Phải trả cho người bán | 21 210 839 245 | |
| 2.1 | Người mua trả tiền trước | | |
| 2.2 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 1 084 448 558 | |
| 2.3 | Phải trả người lao động | 11 459 258 504 | |
| 2.4 | Chi phí phải trả | 42 481 798 | |
| 2.5 | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 17 330 769 602 | |
| 2.6 | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 142 750 000 | |
| 2.7 | Các khoản phải trả, nộp ngắn hạn khác | 644 249 704 | |
| 2.8 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 742 137 947 | |
| II | Nợ dài hạn | 543 400 000 | |
| 1 | Phải trả dài hạn người bán | | |
| 2 | Phải trả dài hạn nội bộ | | |
| 3 | Phải trả dài hạn khác | | |
| 4 | Vay và nợ dài hạn | 543 400 000 | |
| 5 | Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | | |
| 6 | Dự phòng trợ cấp mất việc làm | | |
| 7 | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | | |
| 8 | Doanh thu chưa thực hiện | | |
| III | Vốn chủ sở hữu | 20 503 713 256 | |
| 1 | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 12 500 000 000 | |
| 2 | Quỹ đầu tư phát triển | 4 813 339 681 | |
| 3 | Quỹ dự phòng tài chính | | |
| 4 | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | | |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 3 190 373 575 | |
| 6 | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | | |
| IV | Nguồn kinh phí và quỹ khác | | |
| 1 | Nguồn kinh phí | | |
| 2 | Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | | |
| | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 73 704 048 614 | |
| * | PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN | | |
| 1 | Lợi nhuận trước thuế | 4 046 689 469 | |
| 2 | Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | 856 315 894 | |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 3 190 373 575 | |
| 4 | Trích quỹ dự phòng tài chính | | |
| 5 | Trả cổ tức (16%/VĐL) | 2 000 000 000 | |
| 6 | Lợi nhuận còn để trích lập các quỹ | 1 190 373 575 | |
| + | Quỹ đầu tư phát triển (10% LNST) | | |
| + | Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho NLĐ | 980,826,575 | |
| | - Quỹ khen thưởng (30%) | 294,247,972 | |
| | - Quỹ phúc lợi (70%) | 686,578,603 | |
| + | Quỹ thưởng người QLDN năm 2025 | 209 547 000 | |

Chữ ký